TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hóa

2. Ông Cao Văn Chuộng

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trăm – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ: Ông Lê Thanh Tưởng – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Phan Minh T, sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh T quen biết từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long ngày 18/02/2020. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện do tự tìm hiểu. Quá trình sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian sau này giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do cãi nhau, bất đồng quan điểm nên không còn hạnh phúc nữa, hai bên cũng đã tìm cách hàn

gắn nhưng không được. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung Phan Minh Đ, giới tính nam, sinh ngày 01/9/2020, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung cho đến khi con tròn 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phan Minh T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2026: Thống nhất với phần trình bày của chị N về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do anh vi phạm pháp luật. Nay, chị N gửi đơn yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương vợ, con.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung như chị N trình bày. Anh có yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phan Minh T

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phan Minh Đ, giới tính nam, sinh ngày 01/9/2020 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Chị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Minh T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Minh T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có địa chỉ tại xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo quy định Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Minh T đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N: Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phan Minh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận thể hiện tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15, ngày 18/02/2020 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp cho chị N và anh T. Tuy nhiên, quá trình chung sống do vợ bất đồng quan điểm trầm trọng, thường xuyên cãi nhau không thể sống chung với nhau. Anh T cho rằng anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, Hội xét xử nhận thấy hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ tình cảm giữa các bên, chị N xác định không còn tình cảm với anh T nên mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phan Minh T.

[3.2] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nguyễn Thị N và anh Phan Minh T sống chung với nhau có 01 con chung Phan Minh Đ, giới tính nam, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2020 hiện đang sống với chị Nguyễn Thị Như . Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Phan Minh Đ, hiện đang sống với chị Nguyễn Thị N, trong khi anh T đang chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Phan Minh Đ, giới tính nam, sinh ngày 01/9/2020 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị N chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T chưa cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với yêu cầu nuôi con chung của anh Thành Hội Đ1 xét xử nhận thấy anh T đang chấp hành án phạt tù nên không đảm bảo về điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do anh T

không trực tiếp nuôi con chung nên chị N phải tạo điều kiện thuận lợi để anh T được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Minh T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Minh T

Giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 18/02/2020 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp cho cấp cho chị Nguyễn Thị N và anh Phan Minh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao Phan Minh Đ, giới tính nam, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi con. Anh Phan Minh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Phan Minh T không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Minh T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai số 0004043 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ) thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Chị N đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Minh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Tân Quới, tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua